TÒA ÁN NHÂN DÂN **TP.MỸ THO-TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 177/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 30/10/2018
V/v tranh chấp: "Yêu cầu không công nhận vợ chồng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ MỸ THO

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Võ Ngọc Hiếu**
- Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Phan Thị Đẹp**

  Ông **Trần Tấn Thanh**
- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên toà: Ông **Phạm Nhật Minh**

Ngày 30 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 675/2018/TLST-HNGĐ ngày 08/10/2018 về tranh chấp: "Yêu cầu không công nhận vợ chồng".

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 151/2018/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: **Nguyễn Thị Kim D**, sinh năm 1969 (có mặt)
Địa chỉ: 1S, đường L, P.1, TP.M, Tiền Giang

* Bị đơn: **Nguyễn Trọng P**, sinh năm 1967 (có mặt)
Địa chỉ: 6/7, đường H, P.3, TP.M, Tiền Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim D trình bày: chị và anh Nguyễn Trọng P quen biết, tìm hiểu, cưới nhau vào năm 1990, không có đăng ký kết hôn. Sau khi cưới vợ chồng chị sống hạnh phúc và có 02 con chung tên Nguyễn Trọng H, sinh năm 1992 và Nguyễn Thị Kim H, sinh năm 1993. Đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh P thường xuyên nhậu về nhà kiếm chuyện chửi chị. Chị và anh P đã ly thân từ năm 2015 đến nay. Nay chị yêu cầu Tòa án không công nhận chị và anh P là vợ chồng.

Về con chung: do các con của chị đã trưởng thành nên chị không yêu cầu.

Về tài sản chung, nợ chung: không có

Bị đơn anh Nguyễn Trọng P thống nhất như phần trình bày của chị D về quá trình hôn nhân, con chung, nguyên nhân mâu thuẫn. Nay chị D yêu cầu không công nhận anh và chị D là vợ chồng, anh đồng ý.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Chị D và anh P cưới nhau vào năm 1990, không có đăng ký kết hôn. Do đó, quan hệ hôn nhân của chị D và anh P là không hợp pháp. Trong quá trình chung sống anh chị có 02 con chung là cháu H và cháu H.

Chị D và anh P thống nhất trình bày: anh chị đã xảy ra mâu thuẫn từ năm 2015, nguyên nhân do anh P thường xuyên nhậu về nhà kiếm chuyện chửi chị nên anh chị đã sống ly thân từ năm 2015 đến nay.

Từ đó cho thấy mâu thuẫn giữa chị D và anh P đã trầm trọng, không còn khả năng hàn gắn. Nay chị D yêu cầu không công nhận chị và anh P là vợ chồng. Anh P đồng ý nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

Về con chung: do cháu H và cháu H đã trưởng thành nên chị D không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về tài sản chung: hai bên khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về nợ chung: hai bên khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Án phí: chị D phải chịu án phí theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ điểm b mục 3 Nghị quyết số 35/2000/QH 10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: 1/ Về hôn nhân: Không công nhận chị Nguyễn Thị Kim D và anh Nguyễn Trọng P là vợ chồng.

2/ Về con chung: đã trưởng thành, không yêu cầu.

3/ Về tài sản chung: không có, không yêu cầu.

4/ Về nợ chung: không có, không yêu cầu.

5/ Về án phí: Chị Dphải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Chị D đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0013217 ngày 08/10/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Mỹ Tho xem như đã nộp xong.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

*** Nơi nhận:**
- Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang;
- VKSND TP.Mỹ Tho;
- THADS TP.Mỹ Tho;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

Võ Ngọc Hiếu